

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 18 - 9 - 2025
V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Tiềm.

Ông Lê Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Như – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng N, sinh ngày 14/01/2001 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Hoà, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Nay là: Khu phố Thanh Hiệp, phường Thanh Hoà, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng T, sinh ngày 20/6/1999 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Thanh Sơn, xã Thanh Hoà, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Nay là: Khu phố Thanh Sơn, phường Thanh Hoà, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và tờ tự khai đề ngày 09/4/2025, biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lê Hoàng T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, được

cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21 vào ngày 09/5/2022. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi và anh T không hợp nhau, anh T không còn quan tâm, chăm lo cho gia đình, thường xuyên ăn chơi. Tôi đã nhiều lần khuyên ngăn và cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng xây dựng gia đình, chăm lo cho con nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn tiếp tục kéo dài. Tôi và anh T đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Tháng 5 năm 2024, tôi có làm đơn xin ly hôn với anh T và đã được Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thụ lý, giải quyết nhưng tôi muốn cho cả hai cơ hội hàn gắn tình cảm nên đã rút đơn khởi kiện và Toà án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng từ đó đến nay giữa tôi và anh T vẫn không thể hàn gắn được, do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Hoàng T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Phương N1 sinh ngày 29/3/2023. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Phương N1 và không yêu cầu anh Lê Hoàng T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Hoàng T không có ý kiến và vắng mặt từ khi thụ lý vụ án và quá trình hòa giải, kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt.*

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy chị Trần Thị Hồng N và anh Lê Hoàng T, có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do do chị N và anh T không hợp nhau, anh T không còn quan tâm, chăm lo cho gia đình, thường xuyên ăn chơi. Chị N đã nhiều lần khuyên ngăn và cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng xây dựng gia đình, chăm lo cho con nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn tiếp tục kéo dài, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Chị N và anh T đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay.

Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Hồng N cho chị Trần Thị Hồng N được ly hôn với anh Lê Hoàng T.

- Về con chung: Nhận thấy chị Trần Thị Hồng N đang nuôi dưỡng con chung, chị N cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp và chị N cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Hoàng T, căn cứ Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025; Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy anh Lê Hoàng T có địa chỉ trước đây là Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và hiện nay là Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025; khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 02 hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng các mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21 vào ngày 09/5/2022. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do nguyên đơn và anh T không hợp nhau, anh T không còn quan tâm, chăm lo cho gia đình, thường xuyên ăn chơi. Nguyên đơn đã nhiều lần khuyên ngăn và cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng xây dựng gia đình, chăm lo cho con nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn tiếp tục kéo dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh T đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nữa và anh T cũng không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Qua lời trình bày của chị N, cho thấy anh T đã vi phạm quyền và nghĩa vụ về nhân thân, vợ chồng không còn sống chung, không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống chung cùng chăm lo nuôi dạy chăm sóc con chung, xét thấy nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không hạnh phúc, do không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của

chị N xin ly hôn với anh T là có căn cứ, cần chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[5] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Lê Phương N1 sinh ngày 29/3/2023. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Phương N1 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện tại cháu Lê Phương N1 còn nhỏ trong độ tuổi ăn học, cần có sự nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc và gần gũi của mẹ, hiện tại cháu Lê Phương N1 đang sống với chị N, để đảm bảo đời sống ổn định, sinh hoạt không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến tinh thần sự phát triển của cháu Lê Phương N1. Xét thấy yêu cầu của chị N về việc giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T và anh T cũng chưa có yêu cầu gì về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Khi nào chị Trần Thị Hồng N và anh Lê Hoàng T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị Trần Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng N.

[10] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng N.**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Hồng N được ly hôn với anh Lê Hoàng T.

- Về quan hệ con chung:

+ Giao cho chị Trần Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên: Lê Phương N1 sinh ngày 29/3/2023. Hiện cháu Lê Phương N1 đang sống với chị Trần Thị Hồng N.

+ Anh Lê Hoàng T không phải chịu cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Anh Lê Hoàng T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hồng N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

- Về nợ chung: Chị Trần Thị Hồng N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000795 ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Lê Hoàng T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Hồng N và anh Lê Hoàng T được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường Thanh Hoà;
- Các đương sự
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp